

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20-3-2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Minh Phúc;

Ông Nguyễn Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1992; nơi thường trú: thôn 10, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi tạm trú: Căn 90 – G30, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Trung T, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ 3, ấp L, xã L1, huyện B, tỉnh Bình Dương. Hiện đang chấp hành án tại trại giam T (Cục C10, Bộ Công an) địa chỉ: xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước), vắng mặt (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 9 năm 2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm L trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Trần Trung T chung sống năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa –

Vững Tàu theo giấy chứng nhận kết hôn số 118/2012 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 8 năm 2012. Hôn nhân tự nguyện.

Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn anh T không có trách nhiệm với gia đình. Từ khi sinh con chị L đã dẫn con về nhà mẹ ruột ở Bà Rịa – Vũng Tàu sinh sống. Từ năm 2018 cho đến nay vợ chồng đã không còn sống chung, cũng không còn liên lạc với nhau. Khi khởi kiện, tìm hiểu thông tin chị L được biết anh T đang chấp hành án tại trại giam T (Cục C10, Bộ Công an) địa chỉ: xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước. Nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Chị L yêu cầu ly hôn anh T.

Quá trình chung sống có 01 con chung là cháu Trần Trọng N, sinh ngày 03 tháng 8 năm 2012. Con chung hiện đang sống với chị L.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị L hiện đang làm công nhân tại Công ty T tại khu công nghiệp B, huyện B, tỉnh Bình Dương. Thu nhập hàng tháng từ 11.000.000 đồng trở lên. Khi ly hôn chị L yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 29 tháng 01 năm 2024, bị đơn anh Trần Trung T trình bày: Thống nhất như trình bày của chị L về mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung.

Chị L yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý.

Về con chung: đồng ý giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng cho con.

Hiện anh T đang đi chấp hành án nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai con chung ngày 06 tháng 10 năm 2023, cháu Trần Trọng N có nguyện vọng được sống chung với chị L.

Theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân, Công chức Tư pháp xã L, huyện B1 cung cấp như sau: Chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Trần Trung T quá trình chung sống tại địa phương có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân như thế nào thì địa phương không có thông tin do không nhờ địa phương hoặc tổ chức đoàn thể can thiệp giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Trần Trung T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 của BLTTDS. Việc xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều 95 đến 98 của BLTTDS. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại các Điều 196, 196 của BLTTDS. Thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của BLTTDS.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của BLTTDS.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Trần Trung T thấy quá trình chung xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc hiện cả hai đã sống ly thân từ 20/6/2018. Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm chăm sóc lẫn nhau, việc chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Trần Trung T là vợ chồng nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn cùng chia sẻ, thực hiện các công việc chung trong gia đình như vậy đã vi phạm nghiêm trọng đến quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Cẩm L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: cháu Trần Trọng N có bản tự khai mong muốn ở chung với mẹ. Ông Trần Trung T hiện đang chấp hành án và cũng đồng ý cho bà L nuôi cháu N. Xét thấy, cháu Trần Trọng N hiện đang sinh sống ổn định với bà Nguyễn Thị Cẩm L. Nguyên đơn cũng chứng minh được thu nhập đủ để nuôi con không cần ông Trần Trung T cấp dưỡng nên yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nhận thấy: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Trần Trung T có nơi thường trú tại tổ 3, ấp L, xã L1, huyện B, tỉnh Bình Dương, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Cẩm L khởi kiện anh Trần Trung T, yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung do đó quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Trần Trung T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về hôn nhân: hôn nhân của Chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Trần Trung T là hôn nhân hợp pháp. Chị L yêu cầu ly hôn anh T do mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không thể hàn gắn, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau, không còn sống chung từ 2018 cho đến nay. Có cơ sở xác định anh T vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị L yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Trần Trung T có 01 con chung là cháu Trần Trọng N, sinh ngày 03 tháng 8 năm 2012. Cháu N hiện đang chung sống với chị L, khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Quá trình tố tụng, cháu N có nguyện vọng được sống với chị L. Xét, chị L có nơi ở, việc làm, thu nhập ổn định đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục con, Hội đồng xét xử xét, giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Trần Trung T không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 229, Điều 238, các Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, khoản 1 Điều 59, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

1. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm L đối với bị đơn anh Trần Trung T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Trần Trung T.

Về nuôi con chung: giao cháu Trần Trọng N, sinh ngày 03 tháng 8 năm 2012 cho chị Nguyễn Thị Cẩm L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Trần Trung T không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003211 ngày 13 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ánh Tuyết